

Số: 260/2017/DS-ST

Ngày: 18-8-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA

Địa chỉ trụ sở chính: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Trần Thụy Vĩnh K, theo văn bản ủy quyền số 29-16/QĐ-PNN ngày 28/12/2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA

- Bà Lương Thị Mai S, theo văn bản ủy quyền số 38-17/QĐ-PNN ngày 19/7/2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA

Bị đơn: Ông Tăng Văn T(vắng mặt).

Thường trú: 454/410 (nay là 454/412) đường Sư Vạn Hạnh, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2016 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 17/9/2008 Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA với Ông Tăng Văn T ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số CC0800784 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất 23%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/9/2008 đến ngày 30/9/2009, mục đích vay tiêu dùng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 01/10/2009 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Từ tháng 12/2014 Ngân hàng đã ngưng không tính phí chậm thanh toán cho ông T. Tính đến ngày 22/12/2016, ông T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 16.719.418 đồng.

Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 29.907.074 đồng.

Phí: 164.240.764 đồng.

Tổng cộng là 210.867.256 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lương Thị Mai S đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ông Tăng Văn T phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/8/2017 là: 210.998.920 đồng (gồm nợ gốc 16.719.418 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 30.038.738 đồng, phí là 164.240.746 đồng). Yêu cầu ông T thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, và trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại hợp đồng.

Bị đơn Ông Tăng Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Tăng Văn T trả số tiền nợ còn thiếu là 210.998.920 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA yêu cầu bị đơn Ông Tăng Văn T trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn Ông Tăng Văn T cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét, bị đơn Ông Tăng Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tăng Văn Thọ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ĐA Bank số CC0800784 ngày 17/9/2008 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA thì chủ thẻ Ông Tăng Văn T cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng với Ngân hàng, chịu trách nhiệm thanh toán số tiền tối thiểu theo sao kê thẻ tính dụng được lập hàng tháng và số dư cho tất cả các giao dịch đã thực hiện theo quy định tại hợp đồng này. Theo đó ông T phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí nếu không thanh toán đúng hạn hoặc số dư nợ vượt hạn mức tính dụng trong hợp đồng.

Xét, tại các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, thể hiện chủ thẻ Ông Tăng Văn T đã sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng để rút tiền mặt, mua hàng và các khoản phí phát sinh tính từ ngày kích hoạt thẻ tín dụng 17/9/2008 cho đến ngày khởi kiện 26/12/2016 là 210.867.256 đồng, trong đó nợ gốc là 16.719.418 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 29.907.074 đồng; Phí là 164.240.764 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/8/2017 chủ thẻ Ông Tăng Văn T còn nợ lại số tiền là: 210.998.920 đồng (gồm nợ gốc là 16.719.418 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 30.038.738 đồng, phí là 164.240.746 đồng).

[4] Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ các Thông báo ngày 22/10/2008, ngày 04/11/2008 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA thì lãi suất được áp dụng cho chủ thẻ Visa là 19.44%/năm và 18%/năm. Và theo các Quyết định ngày 20/11/2008 thì lãi suất được áp dụng là 16.44%/năm, Quyết định ngày 04/12/2008 là 15.0%/năm, Quyết định ngày 22/12/2008 là 12.72%/năm, Quyết định ngày 09/02/2009 là 12.74%/năm, Quyết định ngày 18/6/2009 là 14.40%/năm, Quyết định ngày 01/12/2009 là 15.60%/năm, Quyết định ngày 23/12/2009 là 18.00%/năm, Quyết định ngày 09/11/2010 là 8.40%/năm, Quyết định ngày 13/4/2011 là 24.40%/năm, Quyết định ngày 15/4/2011 là 24.48%/năm, Quyết định ngày 12/5/2011 là 26.40%/năm, Quyết định ngày 07/02/2012 là 24.00%/năm, Quyết định ngày 31/5/2012 là 22.80%/năm, Quyết định ngày 01/8/2012 là 18.00%/năm, và Quyết định ngày 11/7/2016 thì áp dụng mức lãi suất là 18.00%/năm cho đến nay. Căn cứ quy định tại mục 4.2 Điều 4 của bản Điều

khoản và điều kiện thế tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA thì “lãi suất cho vay được áp dụng theo Biểu lãi suất Thẻ Tín dụng do ngân hàng quy định tùy từng thời điểm”.

Qua đó cho thấy việc áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA có thay đổi theo từng thời điểm và việc thay đổi mức lãi suất có lúc lớn hơn mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nhưng do chủ thẻ Ông Tăng Văn T đã đồng ý và ký kết hợp đồng nên phải chịu theo thỏa thuận. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Nên Ông Tăng Văn T phải chịu các khoản lãi và phí nói trên theo quy định trong hợp đồng tín dụng mà ông T đã ký với ngân hàng.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do chủ thẻ Ông Tăng Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định trong hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều khoản 2 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Ông Tăng Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền là 210.998.920 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 19/8/2017 cho đến khi ông T trả hết nợ.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 10.549.946 đồng, Ông Tăng Văn T phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.271.682 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000874 ngày 11/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân